

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Hồ Mạnh Tuyên
Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Email:homanhtuyenvimaru@gmail.com

Ngày nhận bài: 18/12/2025

Ngày nhận bài sửa: 11/01/2026

Ngày duyệt đăng: 20/01/2026

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu giữ vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Bài báo phân tích chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2020-2025, tập trung đánh giá chất lượng chuyển dịch trong mối liên hệ với hội nhập kinh tế quốc tế. Kết quả cho thấy cơ cấu xuất khẩu chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, chế tạo, song chủ yếu mở rộng về quy mô, trong khi chất lượng chuyển dịch còn hạn chế, thể hiện ở giá trị gia tăng nội địa thấp và vai trò chi phối của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Tiếp cận theo chuỗi giá trị toàn cầu cho thấy Việt Nam vẫn chủ yếu tham gia ở các khâu có giá trị gia tăng thấp. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất các hàm ý chính sách nhằm nâng cao chất lượng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, hướng tới gia tăng giá trị gia tăng nội địa và vai trò của doanh nghiệp trong nước.

Từ khóa: Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, chuỗi giá trị toàn cầu, doanh nghiệp FDI, giá trị gia tăng, hội nhập kinh tế quốc tế.

STRUCTURAL TRANSFORMATION OF VIETNAM'S MERCHANDISE EXPORTS IN THE CONTEXT OF GLOBAL ECONOMIC INTEGRATION

Abstract: In the context of deepening international economic integration, the transformation of export structure plays an important role in Vietnam's economic growth. This paper analyzes the changes in Vietnam's merchandise export structure during the period 2020-2025, with a focus on assessing the quality of structural transformation in relation to international economic integration. The results indicate that Vietnam's export structure has shifted toward a higher share of manufactured and processed goods; however, this transformation has mainly concentrated on scale expansion while its quality remains limited. This is reflected in low domestic value added and the dominant role of foreign direct investment (FDI) enterprises in export

activities. Besides, the global value chain perspective shows that Vietnam mainly participates in low value-added segments. On this basis, the paper proposes policy implications to improve the quality of export structural transformation, aiming to enhance domestic value added and strengthen the role of domestic enterprises.

Keywords: Export structure transformation, global value chains, FDI enterprises, value-added exports, global economic integration.

1. Đặt vấn đề

Trong hai thập kỷ qua, xuất khẩu ngày càng đóng vai trò quan trọng trong chiến lược tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, với sự chuyển dịch rõ nét từ hàng hóa thô sang các sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo, đặc biệt trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA và RCEP. Tuy nhiên, quá trình này chưa diễn ra đồng đều khi hoạt động xuất khẩu vẫn phụ thuộc lớn vào khu vực doanh nghiệp FDI, trong khi doanh nghiệp trong nước chủ yếu tham gia ở các khâu có giá trị gia tăng thấp, đặt ra những lo ngại về chất lượng và tính bền vững của tăng trưởng xuất khẩu.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng và cạnh tranh toàn cầu gia tăng, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu không chỉ hướng tới mở rộng quy mô mà còn phải nâng cao giá trị gia tăng nội địa và vị trí của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về chủ đề này, phần lớn các công trình vẫn thiên về mô tả xu hướng hoặc phân tích các yếu tố riêng lẻ như FDI hay hội nhập thương mại, trong khi các khía cạnh phản ánh chất lượng chuyển dịch còn chưa được làm rõ đầy đủ.

Xuất phát từ khoảng trống đó, bài báo phân tích chuyển dịch cơ cấu xuất

khẩu hàng hóa của Việt Nam giai đoạn 2020-2025 theo cách tiếp cận đa chiều, sử dụng dữ liệu cập nhật đến năm 2025, nhằm làm rõ cả hình thức và chất lượng chuyển dịch. Đóng góp khoa học của bài báo thể hiện ở ba điểm chính. Thứ nhất, bài báo tiếp cận chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo góc nhìn đa chiều, kết hợp phân tích theo ngành hàng, khu vực doanh nghiệp (FDI và doanh nghiệp trong nước) và vị trí tham gia trong chuỗi giá trị toàn cầu, qua đó vượt ra khỏi cách tiếp cận đơn chiều dựa chủ yếu vào mức độ chế biến hoặc tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của nhiều nghiên cứu trước. Thứ hai, trên cơ sở dữ liệu cập nhật đến năm 2025, nghiên cứu làm rõ rằng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn gần đây chủ yếu diễn ra theo chiều rộng, trong khi các chỉ báo phản ánh chất lượng chuyển dịch như giá trị gia tăng nội địa và mức độ tham gia các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế. Thứ ba, thông qua phân tích mối liên hệ giữa hội nhập kinh tế quốc tế, FDI và chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, bài báo cung cấp bằng chứng học thuật cho thấy tăng trưởng xuất khẩu nhanh không đồng nghĩa với nâng cấp cơ cấu xuất khẩu theo chiều sâu, từ đó gợi mở các hàm ý chính sách có cơ sở khoa học và giá trị ứng dụng.

2. Tổng quan nghiên cứu

Cơ cấu xuất khẩu và chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu là chủ đề được quan tâm rộng rãi trong các nghiên cứu về phát triển kinh tế và thương mại quốc tế. Các nghiên cứu sớm thường tiếp cận cơ cấu xuất khẩu theo ngành hàng hoặc mức độ chế biến, coi sự gia tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, chế tạo là chỉ báo tích cực của quá trình công nghiệp hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Các nghiên cứu gần đây mở rộng cách tiếp cận theo hướng xem xét chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu trong mối liên hệ với năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng và vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu. Theo UNIDO (2024), chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu bền vững không chỉ thể hiện ở sự thay đổi cơ cấu ngành hàng mà còn ở khả năng nâng cấp vị trí tham gia trong chuỗi giá trị toàn cầu và gia tăng giá trị nội địa.

Trong nghiên cứu về chuỗi giá trị toàn cầu, Gereffi và Fernandez-Stark (2016) cho rằng các quốc gia có thể nâng cao vị trí của mình bằng cách chuyển từ các khâu lắp ráp sang thiết kế, xây dựng thương hiệu và phân phối. Báo cáo của UNCTAD (2023) cũng nhấn mạnh vai trò của đầu tư công nghệ và liên kết vùng trong nâng cao năng lực xuất khẩu quốc gia.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ giữa hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu thông qua tự do hóa thương mại, tham gia các hiệp định thương mại tự do và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tuy nhiên, các

nghiên cứu gần đây cho thấy tác động của hội nhập không mang tính tự động. Theo UNCTAD (2022), tại các nền kinh tế đang phát triển, dòng vốn FDI có thể thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu nhanh chóng nhưng chưa chắc dẫn tới nâng cấp cơ cấu xuất khẩu nếu thiếu các chính sách hỗ trợ liên kết và lan tỏa công nghệ, qua đó làm nổi bật vai trò của thể chế và chính sách.

Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã phân tích chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo ngành hàng, mức độ chế biến hoặc khu vực doanh nghiệp. Các công trình cho thấy cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam đã chuyển dịch theo hướng tích cực với sự gia tăng nhanh của hàng công nghiệp chế biến, chế tạo, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (Vũ Thị Linh, 2021). Tuy nhiên, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự phụ thuộc vào khu vực doanh nghiệp FDI vẫn là rào cản lớn đối với việc nâng cao giá trị gia tăng nội địa và phát triển dài hạn (Nguyễn Thị Thu Hằng, 2020; Lê Thị Minh, 2022).

Tổng hợp các nghiên cứu trước cho thấy, mặc dù đã có nhiều công trình phân tích cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam cũng như tác động của hội nhập kinh tế quốc tế, song vẫn tồn tại một số khoảng trống nghiên cứu. Phần lớn các nghiên cứu mới tập trung mô tả sự thay đổi về hình thức cơ cấu xuất khẩu hoặc nhấn mạnh tăng trưởng kim ngạch, trong khi chưa đánh giá đầy đủ chất lượng chuyển dịch, đặc biệt về giá trị gia tăng nội địa và vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu. Bên cạnh đó, các phân tích gắn kết

hội nhập kinh tế quốc tế với chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo chiều sâu và sử dụng dữ liệu cập nhật cho giai đoạn gần đây còn hạn chế, đặt ra yêu cầu cần có những nghiên cứu tiếp cận toàn diện và cập nhật hơn đối với Việt Nam.

3. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý thuyết về cơ cấu xuất khẩu và chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu

3.1.1. Khái niệm và các cách tiếp cận về cơ cấu xuất khẩu

Trong kinh tế học quốc tế và kinh tế phát triển, cơ cấu xuất khẩu của một quốc gia được hiểu là sự phân bố kim ngạch xuất khẩu theo các tiêu chí nhất định, phản ánh mô hình chuyên môn hóa quốc tế, trình độ phát triển kinh tế và vị thế của quốc gia đó trong thương mại toàn cầu.

Theo các nghiên cứu kinh điển về thương mại quốc tế và phát triển (Krugman, Obstfeld & Melitz; UNCTAD; World Bank), cơ cấu xuất khẩu có thể được phân loại theo nhiều cách, bao gồm: (i) theo nhóm hoặc ngành hàng xuất khẩu; (ii) theo mức độ chế biến và hàm lượng công nghệ; (iii) theo khu vực doanh nghiệp tham gia xuất khẩu (doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI); (iv) theo thị trường xuất khẩu; và (v) theo vị trí tham gia trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Đối với các quốc gia đang phát triển đã đạt trình độ thu nhập trung bình và có quy mô thương mại lớn, việc phân tích cơ cấu xuất khẩu không nên chỉ dừng lại ở mở rộng quy mô hay thay đổi tỷ trọng

ngành hàng, mà cần chú trọng đến chất lượng cơ cấu xuất khẩu, thể hiện qua hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng nội địa, vai trò của doanh nghiệp trong nước và mức độ tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu. Trong bối cảnh Việt Nam có quy mô thương mại quốc tế ngày càng lớn, cách tiếp cận đa chiều là cần thiết để phản ánh đúng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

3.1.2. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu

Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu là quá trình thay đổi cơ cấu xuất khẩu theo thời gian, phản ánh sự điều chỉnh mô hình chuyên môn hóa quốc tế của một quốc gia nhằm thích ứng với biến động của điều kiện trong nước và quốc tế.

Theo các lý thuyết về phát triển và công nghiệp hóa hướng ngoại (Chenery, Syrquin; Hausmann, Rodrik; UNCTAD), chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu thường diễn ra theo các hướng chủ yếu như: chuyển từ xuất khẩu sản phẩm sơ cấp sang hàng công nghiệp chế biến, chế tạo; từ các ngành có hàm lượng công nghệ thấp sang trung bình và cao; từ gia công, lắp ráp sang các khâu có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị; và từ phụ thuộc vào doanh nghiệp nước ngoài sang nâng cao vai trò của doanh nghiệp trong nước. Quá trình này chịu tác động đồng thời của nhiều yếu tố, bao gồm năng lực sản xuất và công nghệ của doanh nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực, chính sách công nghiệp và thương mại, mức độ hội nhập kinh tế quốc tế và vai trò của dòng vốn FDI. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu có thể

mang lại lợi ích quan trọng về năng lực cạnh tranh và thu nhập, song cũng tiềm ẩn rủi ro nếu làm gia tăng sự phụ thuộc vào khu vực FDI hoặc gây áp lực về môi trường và phát triển bền vững. Do đó, vấn đề cốt lõi không chỉ là tốc độ chuyển dịch, mà là hướng và chất lượng của quá trình chuyển dịch.

3.1.3. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu trong bối cảnh hội nhập và chuỗi giá trị toàn cầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế ngày càng được tổ chức theo chuỗi giá trị toàn cầu (Global Value Chains - GVCs), trong đó giá trị của xuất khẩu không chỉ được đo bằng kim ngạch, mà còn bởi phần giá trị gia tăng nội địa mà quốc gia giữ lại.

Đối với Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần mở rộng nhanh quy mô xuất khẩu, đồng thời đặt ra thách thức về chất lượng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu. Trong giai đoạn hiện nay, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu cần được định hướng theo các mục tiêu: nâng cao giá trị gia tăng nội địa; tăng cường vai trò của doanh nghiệp trong nước trong chuỗi giá trị; đa dạng hóa thị trường và ngành hàng gắn với phát triển bền vững; và kết hợp mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu với các yêu cầu về môi trường và xã hội theo chuẩn mực quốc tế.

Như vậy, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu không thể tiếp tục theo mô hình chạy theo tăng trưởng kim ngạch như trước, mà cần chuyển sang mô hình dựa trên chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển bền

vững, nhằm đảm bảo lợi ích lâu dài cho nền kinh tế quốc gia.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận kết hợp giữa phân tích định lượng mô tả và phân tích định tính, nhằm đánh giá chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Trọng tâm của nghiên cứu là phân tích sự thay đổi cơ cấu và chất lượng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, thay vì chỉ xem xét tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu được phân tích theo cách tiếp cận đa chiều, bao gồm: theo nhóm ngành hàng xuất khẩu; theo khu vực doanh nghiệp (doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và doanh nghiệp trong nước); và xét trong mối liên hệ với vị trí tham gia của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Dữ liệu nghiên cứu là dữ liệu thứ cấp, được tổng hợp chủ yếu từ các báo cáo xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan và Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê trong giai đoạn 2020–2024; số liệu năm 2025 được cập nhật từ các báo cáo tình hình xuất nhập khẩu theo tháng do Tổng cục Hải quan công bố.

Về phương pháp phân tích, nghiên cứu sử dụng phân tích cơ cấu và tỷ trọng xuất khẩu, thông qua việc tính toán và so sánh tỷ trọng các nhóm hàng xuất khẩu trong tổng kim ngạch xuất khẩu qua các năm; đồng thời đánh giá mức thay đổi tỷ trọng giữa các năm như một chỉ báo định lượng phản ánh mức độ và xu hướng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu. Bên cạnh

đó, nghiên cứu tiến hành so sánh theo khu vực doanh nghiệp và kết hợp phân tích định tính nhằm làm rõ chất lượng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu xét trên phương diện giá trị gia tăng nội địa và vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Do hạn chế về dữ liệu thống kê chi tiết theo nhóm hàng và doanh nghiệp, nghiên cứu chưa thực hiện các kiểm định định lượng chuyên sâu. Đây là cơ sở gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo nhằm mở rộng phân tích và làm rõ hơn mối quan hệ giữa hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Xu hướng quốc tế trong chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia đã tái cấu trúc chiến lược xuất khẩu theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu. Thay vì phụ thuộc vào xuất khẩu nguyên liệu thô hoặc hàng hóa sơ chế, xu hướng chung là đẩy mạnh phát triển các sản phẩm chế biến sâu, tích hợp công nghệ cao và gắn với năng lực nội địa hóa sản xuất.

Các quốc gia như Hàn Quốc, Trung Quốc và Malaysia là những ví dụ điển hình cho mô hình phát triển công nghiệp định hướng xuất khẩu. Hàn Quốc tập trung vào các ngành công nghệ cao như điện tử, ô tô và hóa chất, kết hợp với chính sách hỗ trợ mạnh mẽ của nhà nước để hình thành các tập đoàn có sức cạnh tranh toàn cầu. Trung Quốc từng bước chuyển từ lắp ráp sang thiết

kế, sản xuất lõi và phát triển thương hiệu, trong khi Malaysia đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm điện tử, thiết bị y tế và công nghệ sinh học với vai trò ngày càng lớn của doanh nghiệp nội địa. Điểm chung của các quốc gia thành công là sự kết hợp hiệu quả giữa vai trò định hướng của nhà nước và năng lực phát triển của khu vực doanh nghiệp trong nước, thông qua các chính sách hỗ trợ về tài chính, hạ tầng, tiếp cận công nghệ và thúc đẩy R&D. Đồng thời, việc nâng cao năng lực cạnh tranh phi giá, bao gồm chất lượng sản phẩm, đổi mới sáng tạo và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, được xem là yếu tố then chốt giúp các quốc gia này tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Những kinh nghiệm này cho thấy chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu không chỉ là mở rộng kim ngạch, mà phụ thuộc vào năng lực nội sinh của doanh nghiệp trong nước - vấn đề sẽ được phân tích đối với Việt Nam ở phần tiếp theo.

4.2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu hàng hóa tại Việt Nam

4.2.1. Chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo nhóm hàng

Trong giai đoạn 2020–2025, cơ cấu xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tiếp tục chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, chế tạo và giảm dần tỷ trọng các mặt hàng nguyên liệu thô và sơ chế. Đây là xu hướng phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong những năm gần đây.

*Bảng 1. Cơ cấu xuất khẩu hàng hoá Việt Nam theo nhóm hàng giai đoạn
2020-2025*

Đơn vị: % tổng kim ngạch xuất khẩu

Nhóm hàng	2020	2021	2022	2023	2024	2025*
Nông - lâm - thủy sản	14,6	13,8	12,9	12,3	11,8	11,5
Công nghiệp chế biến, chế tạo	84,3	85,1	86,0	86,7	87,1	87,4
Khoáng sản	1,1	1,1	1,1	1,0	1,1	1,1

*Nguồn: Tổng cục Hải quan (2020-2024); 2025:
Số liệu sơ bộ tổng hợp từ Tổng cục Hải quan**

Có thể thấy tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, chế tạo trong tổng kim ngạch xuất khẩu tăng liên tục từ 84,3% năm 2020 lên khoảng 87,4% năm 2025. Ngược lại, nhóm hàng nông - lâm - thủy sản giảm dần tỷ trọng, từ 14,6% xuống còn khoảng 11,5%. Nhóm khoáng sản duy trì tỷ trọng rất thấp và tương đối ổn định. Sự chuyển dịch này phản ánh tác động của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là việc thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và RCEP, tạo điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm công nghiệp.

Tuy nhiên, nếu phân tích sâu hơn, có thể thấy rằng phần lớn sự gia tăng của

nhóm hàng chế biến, chế tạo đến từ các ngành sử dụng nhiều lao động và có mức độ gia công cao như điện tử lắp ráp, dệt may và da giày. Điều này cho thấy chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam mới chủ yếu diễn ra theo chiều rộng, trong khi chất lượng chuyển dịch xét theo giá trị gia tăng nội địa vẫn còn hạn chế.

4.2.2. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo khu vực doanh nghiệp

Một trong những vấn đề trung tâm của chuyển dịch cơ cấu là sự phân hóa giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa. Bảng dưới đây cung cấp góc nhìn trực diện về tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu giữa hai khu vực này.

*Bảng 2. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu theo khu vực doanh nghiệp giai đoạn
2020-2025*

Đơn vị: % tổng kim ngạch xuất khẩu

Khối doanh nghiệp	2020	2021	2022	2023	2024	2025*
Doanh nghiệp FDI	71,0	72,6	73,4	72,8	71,7	74,8
Doanh nghiệp trong nước	29,0	27,4	26,6	27,2	28,3	25,2

*Nguồn: Tổng cục Hải quan (2020-2024); 2025:
Số liệu sơ bộ tổng hợp từ Tổng cục Hải quan**

Kết quả Bảng 2 cho thấy khu vực doanh nghiệp FDI liên tục giữ vai trò chủ

đạo trong hoạt động xuất khẩu của Việt Nam, với tỷ trọng kim ngạch tăng từ

72,0% năm 2020 lên gần 75% năm 2025, trong khi tỷ trọng của khu vực doanh nghiệp trong nước có xu hướng giảm. Sự phụ thuộc vào khu vực FDI không chỉ thể hiện ở quy mô kim ngạch mà còn ở quyền kiểm soát chuỗi giá trị, khi các doanh nghiệp FDI nắm giữ công nghệ, khâu thiết kế và mạng lưới phân phối toàn cầu, còn doanh nghiệp trong nước chủ yếu tham gia ở các khâu gia công, lắp ráp và cung ứng đầu vào đơn giản. Do đó, mặc dù kim ngạch xuất khẩu tăng, giá trị gia tăng giữ lại trong nước chưa tương xứng.

Cơ cấu doanh nghiệp xuất khẩu lớn tại Việt Nam tiếp tục phản ánh vai trò dẫn dắt của khu vực FDI, đặc biệt trong các ngành điện tử và linh kiện, trong khi một số doanh nghiệp trong nước như VinFast, Tập đoàn Dệt may Việt Nam và Tập đoàn Hòa Phát bước đầu cho thấy tiềm năng vươn lên thông qua mở rộng quy mô xuất khẩu và đầu tư công nghệ. Tuy nhiên, khoảng cách đáng kể giữa hai khu vực doanh nghiệp cho thấy sự cần thiết phải thúc đẩy các cơ chế liên kết phù hợp, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI và qua đó nâng cao

chất lượng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam trong dài hạn.

4.2.3. Chất lượng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu: giá trị gia tăng và vai trò doanh nghiệp

Để đánh giá chất lượng của quá trình chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, nghiên cứu tiếp cận theo góc độ giá trị gia tăng nội địa trong xuất khẩu (Domestic Value Added - DVA) và vị trí tham gia của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Theo các báo cáo thương mại theo giá trị gia tăng của UNCTAD, Việt Nam hiện chủ yếu tham gia ở khâu trung nguồn, bao gồm gia công và lắp ráp, trong khi mức độ tham gia vào các khâu thượng nguồn (thiết kế, nghiên cứu - phát triển) và hạ nguồn (marketing, xây dựng thương hiệu, phân phối) còn hạn chế. Điều này cho thấy mặc dù kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh, vị trí của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu vẫn tập trung ở các phân đoạn có giá trị gia tăng thấp.

Mức độ tham gia của doanh nghiệp Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu theo ngành hàng được thể hiện rõ hơn qua số liệu tại bảng sau:

Bảng 3. Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu theo ngành năm 2023

Ngành hàng	Doanh nghiệp tham gia GVC (%)	Ghi chú
Điện tử	92%	Chủ yếu lắp ráp, FDI chi phối
Dệt may	65%	Phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu
Da giày	60%	Thiếu thiết kế và thương hiệu
Thủy sản	35%	Thiếu chế biến sâu

Nguồn: UNIDO (2024)

Phân tích theo ngành cho thấy sự khác biệt rõ rệt về vị trí tham gia chuỗi giá trị. Trong ngành điện tử, khu vực doanh nghiệp FDI chi phối hoạt động xuất khẩu và giữ vai trò trung tâm ở khâu lắp ráp, trong khi doanh nghiệp trong nước chủ yếu cung ứng linh kiện đơn giản. Đối với dệt may và da giày, Việt Nam tham gia chuỗi giá trị ở mức trung nguồn thấp, phụ thuộc lớn vào nguyên phụ liệu nhập khẩu và thiếu năng lực thiết kế, phát triển thương hiệu. Trong khi đó, ngành thủy sản có tiềm năng tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, song vẫn bị hạn chế bởi mức độ chế biến sâu và năng lực tiêu chuẩn hóa sản phẩm xuất khẩu.

Mặc dù khu vực FDI đóng vai trò dẫn dắt trong chuỗi giá trị xuất khẩu, song liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn yếu, khiến hiệu ứng lan tỏa công nghệ và nâng cấp chuỗi giá trị chưa rõ nét. Doanh nghiệp trong nước vẫn gặp hạn chế về vốn, công nghệ và năng lực quản trị, dẫn đến khó tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi, qua đó làm giảm giá trị gia tăng nội địa giữ lại trong nền kinh tế.

4.2.4. Hội nhập kinh tế quốc tế và cơ chế tác động tới chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu

Trong nghiên cứu này, mối quan hệ giữa hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu được phân tích thông qua các cơ chế tác động cụ thể. Thông qua các hiệp định thương mại tự do (FTA), hội nhập kinh tế quốc tế mở rộng khả năng tiếp cận thị trường, cắt giảm thuế quan và đặt ra các yêu cầu mới về tiêu

chuẩn và quy tắc xuất xứ, qua đó thúc đẩy sự gia tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, chế tạo trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam.

Bên cạnh đó, thông qua dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các chính sách thương mại - công nghiệp, hội nhập kinh tế quốc tế góp phần mở rộng nhanh quy mô xuất khẩu và tích hợp Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, quá trình này cũng định hình cơ cấu xuất khẩu theo hướng tập trung vào các khâu gia công và lắp ráp, cho thấy chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu chủ yếu diễn ra theo chiều rộng. Điều này phản ánh rằng hội nhập kinh tế quốc tế là động lực quan trọng của chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, song chất lượng chuyển dịch phụ thuộc lớn vào định hướng chính sách trong nước và năng lực của doanh nghiệp, thể hiện ở giá trị gia tăng nội địa còn thấp và vai trò hạn chế của doanh nghiệp trong nước. Điều này lý giải vì sao cơ cấu xuất khẩu chuyển dịch mạnh về hình thức, trong khi giá trị gia tăng nội địa và vai trò của doanh nghiệp trong nước còn hạn chế.

4.3. Thảo luận

4.3.1. Những chuyển biến tích cực trong quá trình chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu

Trong giai đoạn 2020-2025, Việt Nam ghi nhận bước tiến đáng kể trong chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng tăng dần tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, chế tạo và từng bước tham gia vào các phân khúc có giá trị cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đặc biệt, ngành điện tử, dệt may, và phương tiện vận tải là

những lĩnh vực ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng về kim ngạch cũng như độ sâu hội nhập. Đây là kết quả của quá trình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài hiệu quả, sự nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh, và tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA).

Sự xuất hiện và phát triển nhanh chóng của một số doanh nghiệp nội địa như VinFast, Tập đoàn Hòa Phát hay Vinatex trong các lĩnh vực xuất khẩu chủ lực là chỉ dấu rõ rệt về sự thay đổi trong năng lực sản xuất nội địa. Những doanh nghiệp này không chỉ sản xuất mà còn bắt đầu đầu tư vào các khâu thiết kế, nghiên cứu phát triển - vốn trước đây hoàn toàn phụ thuộc vào khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bên cạnh đó, cơ cấu thị trường xuất khẩu tiếp tục được mở rộng và đa dạng hóa thông qua việc tham gia và thực thi nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Điều này góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa Việt Nam tiếp cận các thị trường có yêu cầu cao hơn về tiêu chuẩn và chất lượng, qua đó thúc đẩy quá trình điều chỉnh cơ cấu xuất khẩu theo hướng tích cực.

Những chuyển biến trên cho thấy quá trình chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định về **quy mô và hình thức**, tạo nền tảng quan trọng cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh của hoạt động xuất khẩu trong dài hạn.

4.3.2. Những thách thức và rào cản trong chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu

Mặc dù đạt được một số kết quả tích cực, quá trình chuyển dịch cơ cấu xuất

khẩu của Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức nội tại. Kết quả phân tích cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu chủ yếu diễn ra theo chiều rộng, thể hiện ở sự thay đổi tỷ trọng giữa các nhóm hàng, trong khi chất lượng chuyển dịch còn hạn chế. Giá trị gia tăng nội địa trong xuất khẩu vẫn ở mức thấp, phản ánh năng lực tham gia của doanh nghiệp trong nước vào các khâu có giá trị gia tăng cao còn hạn chế. Một rào cản đáng kể khác là sự phụ thuộc lớn vào khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong hoạt động xuất khẩu, đặc biệt ở các ngành hàng chủ lực như điện tử, dệt may và da giày. Trong khi đó, khu vực doanh nghiệp trong nước chủ yếu tham gia vào các khâu gia công, lắp ráp hoặc cung ứng đầu vào với giá trị gia tăng thấp, khiến lợi ích từ xuất khẩu chưa được giữ lại nhiều cho nền kinh tế.

Dưới góc độ chuỗi giá trị toàn cầu, Việt Nam vẫn chủ yếu tham gia vào các công đoạn có giá trị gia tăng thấp, trong khi khả năng tham gia vào các khâu thiết kế, nghiên cứu - phát triển và xây dựng thương hiệu còn hạn chế. Những rào cản này cho thấy hội nhập kinh tế quốc tế chưa tự động dẫn tới chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo chiều sâu nếu thiếu các điều kiện nội tại phù hợp.

4.3.3. Hàm ý chính sách nhằm nâng cao chất lượng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu

Trên cơ sở những hạn chế và rào cản đã được nêu ở trên, việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn tới cần chuyển trọng tâm từ mở rộng quy mô sang nâng cao chất lượng

chuyển dịch, gắn với mục tiêu gia tăng giá trị gia tăng nội địa và phát triển bền vững. Các hàm ý chính sách được tác giả đề xuất theo thứ tự ưu tiên, gắn với từng nhóm ngành xuất khẩu chủ lực và từng nhóm doanh nghiệp, nhằm nâng cao tính khả thi và giá trị ứng dụng của các khuyến nghị chính sách.

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách phát triển xuất khẩu theo hướng ưu tiên chất lượng và giá trị gia tăng nội địa, thay vì chỉ tập trung vào tăng trưởng kim ngạch. Các công cụ chính sách cần được thiết kế theo hướng khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu, thông qua các ưu đãi có điều kiện gắn với đổi mới công nghệ, nâng cao hàm lượng nội địa và phát triển thương hiệu xuất khẩu. Chẳng hạn, đối với các ngành xuất khẩu chủ lực như điện tử, dệt may và da giày, ưu đãi xuất khẩu có thể gắn với tỷ lệ nội địa hóa, đầu tư R&D hoặc phát triển sản phẩm mang thương hiệu Việt, qua đó khắc phục tình trạng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu mang tính hình thức.

Thứ hai, nâng cao vai trò điều tiết và dẫn dắt của Nhà nước trong việc thúc đẩy liên kết giữa khu vực doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước. Thay vì chỉ thu hút FDI theo số lượng, cần chuyển sang cách tiếp cận có chọn lọc, chú trọng khả năng lan tỏa công nghệ và liên kết chuỗi. Nhà nước có thể đóng vai trò trung gian, hỗ trợ kết nối cung - cầu giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa, đặc biệt trong các ngành điện tử, dệt may và da giày. Ví dụ, trong ngành điện tử, các

tập đoàn FDI lớn có thể được khuyến khích công bố danh mục linh kiện nội địa hóa và hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng cấp thấp hơn, từ đó từng bước nâng cao vị trí trong chuỗi giá trị.

Thứ ba, đẩy mạnh hợp tác công - tư (PPP) trong phát triển hạ tầng phục vụ xuất khẩu và hỗ trợ đổi mới công nghệ. Ưu tiên đầu tư vào hạ tầng logistics, trung tâm kiểm định – tiêu chuẩn hóa sản phẩm và hệ thống thông tin thị trường tại các vùng xuất khẩu trọng điểm. Đồng thời, cần tăng cường hỗ trợ hoạt động nghiên cứu - phát triển (R&D) và đổi mới công nghệ, nhất là trong các ngành mà Việt Nam có lợi thế so sánh, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng sản phẩm xuất khẩu trong dài hạn.

Thứ tư, thúc đẩy liên kết vùng và hợp tác nội địa nhằm hình thành các cụm liên kết ngành xuất khẩu. Việc tăng cường phối hợp giữa các địa phương, khu công nghiệp và trung tâm logistics sẽ giúp khắc phục tình trạng phân tán trong hoạt động xuất khẩu, tạo điều kiện chia sẻ hạ tầng, nguyên vật liệu và thông tin thị trường. Trên cơ sở đó, có thể hình thành các cụm liên kết ngành như cụm dệt may tại Đồng bằng sông Hồng hoặc cụm điện tử tại Bắc Ninh - Thái Nguyên, góp phần nâng cao khả năng đáp ứng các đơn hàng lớn và tiêu chuẩn cao từ thị trường quốc tế.

Thứ năm, phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy đổi mới sáng tạo gắn với nhu cầu của từng ngành xuất khẩu. Cần tăng cường hợp tác giữa doanh nghiệp và hệ thống viện - trường trong đào tạo nguồn

nhân lực chuyên sâu về kỹ thuật, logistics, quản trị chuỗi cung ứng và ngoại thương. Trọng tâm nên hướng tới các doanh nghiệp xuất khẩu trong nước quy mô vừa, thông qua các mô hình đào tạo gắn với thực tiễn sản xuất - xuất khẩu, nhằm thu hẹp khoảng cách kỹ năng và nâng cao năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Cuối cùng, khai thác hiệu quả hợp tác quốc tế trong khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do theo hướng nâng cao chất lượng hội nhập. Thay vì chỉ tận dụng ưu đãi thuế quan, Việt Nam cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật và phát triển bền vững. Các chương trình hỗ trợ của WTO, UNIDO, JICA hay ADB có thể được tận dụng nhằm nâng cao năng lực thể chế và năng lực doanh nghiệp nội địa, qua đó thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo chiều sâu và bền vững hơn.

5. Kết luận

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu có ý nghĩa quan trọng đối với tăng trưởng và phát triển bền vững của Việt Nam. Trên cơ sở phân tích dữ liệu giai đoạn 2020-2025, nghiên cứu làm rõ các xu hướng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong mối liên hệ với hội nhập kinh tế quốc tế.

Kết quả nghiên cứu cho thấy cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam đã chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, chế tạo, phản ánh sự mở rộng về hình thức và quy mô xuất khẩu. Tuy nhiên, quá trình này chủ yếu diễn ra theo chiều rộng, trong khi chất lượng chuyển

dịch còn hạn chế, thể hiện ở giá trị gia tăng nội địa thấp, vai trò chi phối của khu vực doanh nghiệp FDI và mức độ tham gia còn hạn chế của Việt Nam vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu. Hội nhập kinh tế quốc tế và dòng vốn FDI đã tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng xuất khẩu và điều chỉnh cơ cấu ngành hàng, song chưa tự động dẫn tới chuyển dịch theo chiều sâu nếu thiếu các điều kiện nội tại, đặc biệt là năng lực doanh nghiệp trong nước và hiệu quả của cơ chế, chính sách hỗ trợ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu nhấn mạnh yêu cầu chuyển trọng tâm chính sách từ mở rộng kim ngạch sang nâng cao chất lượng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, gắn với gia tăng giá trị gia tăng nội địa, tăng cường liên kết FDI - doanh nghiệp trong nước, phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Do hạn chế về dữ liệu thống kê chi tiết, nghiên cứu chưa thực hiện các kiểm định định lượng chuyên sâu, qua đó gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo sử dụng dữ liệu vi mô và các phương pháp định lượng nâng cao để làm sâu sắc hơn mối quan hệ giữa hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Thu Hằng (2020), *Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 30, 23-27.

2. Vũ Thị Linh (2021), Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và sự chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam, *Tạp chí Công Thương*, 15, 125-131

3. Lê Thị Minh và cộng sự (2022), *FDI và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong xuất khẩu*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
 4. Tổng cục Hải quan (2020-2025), *Báo cáo tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam*, Hà Nội.
 5. Tổng cục Thống kê (2020-2024), *Niên giám thống kê Việt Nam*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- B. Tài liệu tiếng Anh**
6. Chenery, H. B., & Syrquin, M. (1975), *Patterns of Development, 1950-1970*, Oxford University Press, Oxford.
 7. Gereffi, G., Humphrey, J., & Sturgeon, T. (2005), The governance of global value chains, *Review of International Political Economy*, 12(1), 78-104.
 8. Gereffi, G., & Fernandez-Stark, K. (2016), *Global Value Chain Analysis: A Primer*. Center on Globalization, Governance & Competitiveness (CGGC), Duke University.
 9. Hausmann, R., Rodrik, D., & Hwang, J. (2007), What you export matters, *Journal of Economic Growth*, 12(1), 1-25.
 10. Krugman, P. R., Obstfeld, M., & Melitz, M. J. (2018), *International Economics: Theory and Policy* (10th ed.), Pearson Education, Boston.
 11. UNCTAD (2022), *Trade and Development Report 2022*, United Nations, Geneva.
 12. UNCTAD (2023), *World Investment Report 2023*, United Nations, Geneva.
 13. UNIDO (2024), *Global Value Chains and Industrial Development*, Vienna.
 14. World Bank (2020), *World Development Report 2020*, Washington, DC.